



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
QUẬN GÒ VẤP

BÀI 22: 27

Chủ đề: THỰC HÀNH



# 1- Thực hành VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI.

**Bài tập 1.** Dựa vào bảng 22.1, vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng:

**Bảng 22.1.** Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng (%)

<b>Năm</b>	<b>1995</b>	<b>1998</b>	<b>2000</b>	<b>2002</b>
<b>Tiêu chí</b>				
Dân số	100,0	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100,0	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người	100,0	113,8	121,8	121,2

# **1-VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG**

## **Bài tập 1. THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI.**

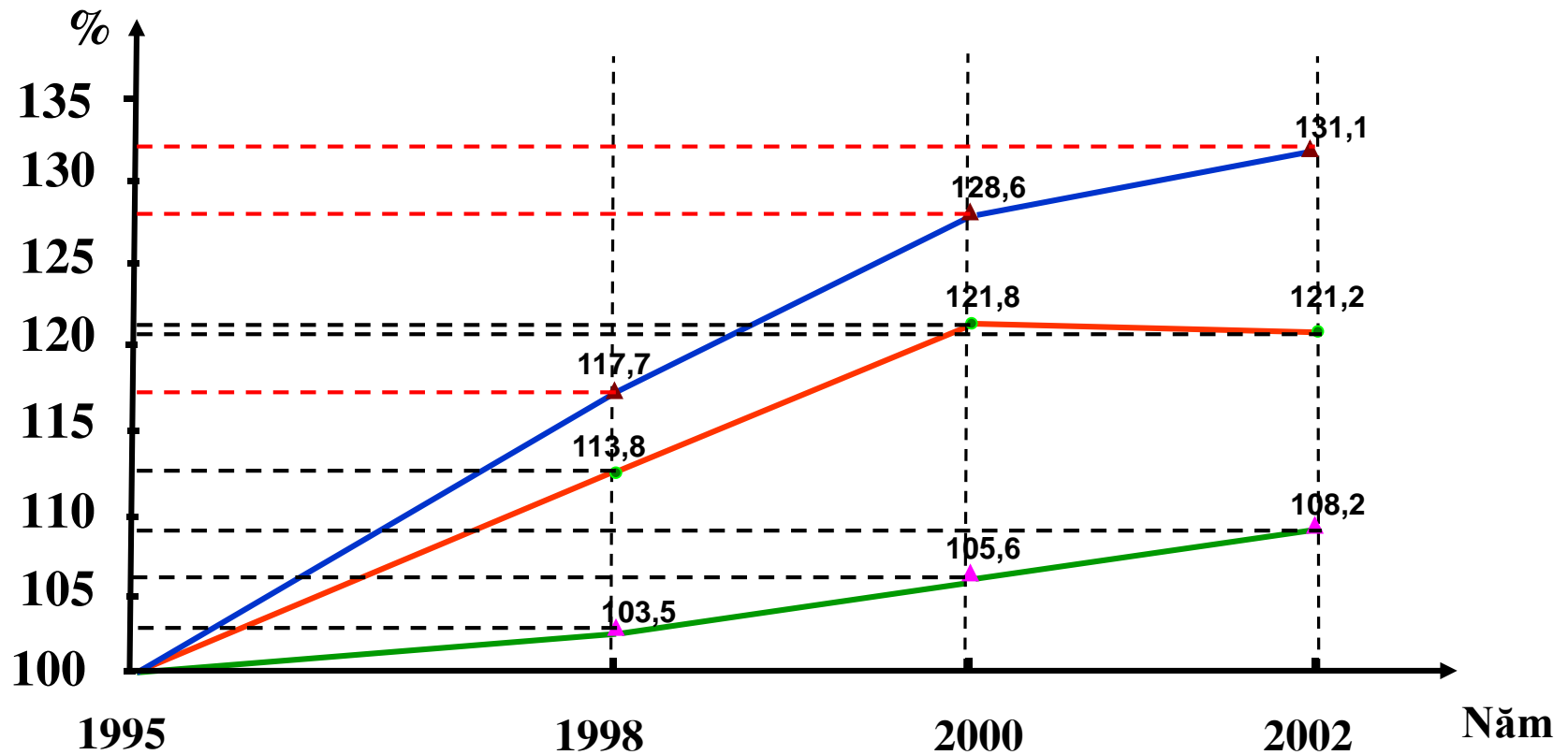
### **Các bước vẽ biểu đồ:**

- Vẽ hệ trục tọa độ vuông góc: Trục tung thể hiện trị số %, trục hoành thể hiện thời gian (năm)**
- Chia khoảng cách trên trục tung và trục hoành cho phù hợp**
- Căn cứ vào bảng số liệu vẽ biểu đồ đường theo từng tiêu chí.**
- Hoàn thành biểu đồ: Ghi chú giải, tên biểu đồ.**

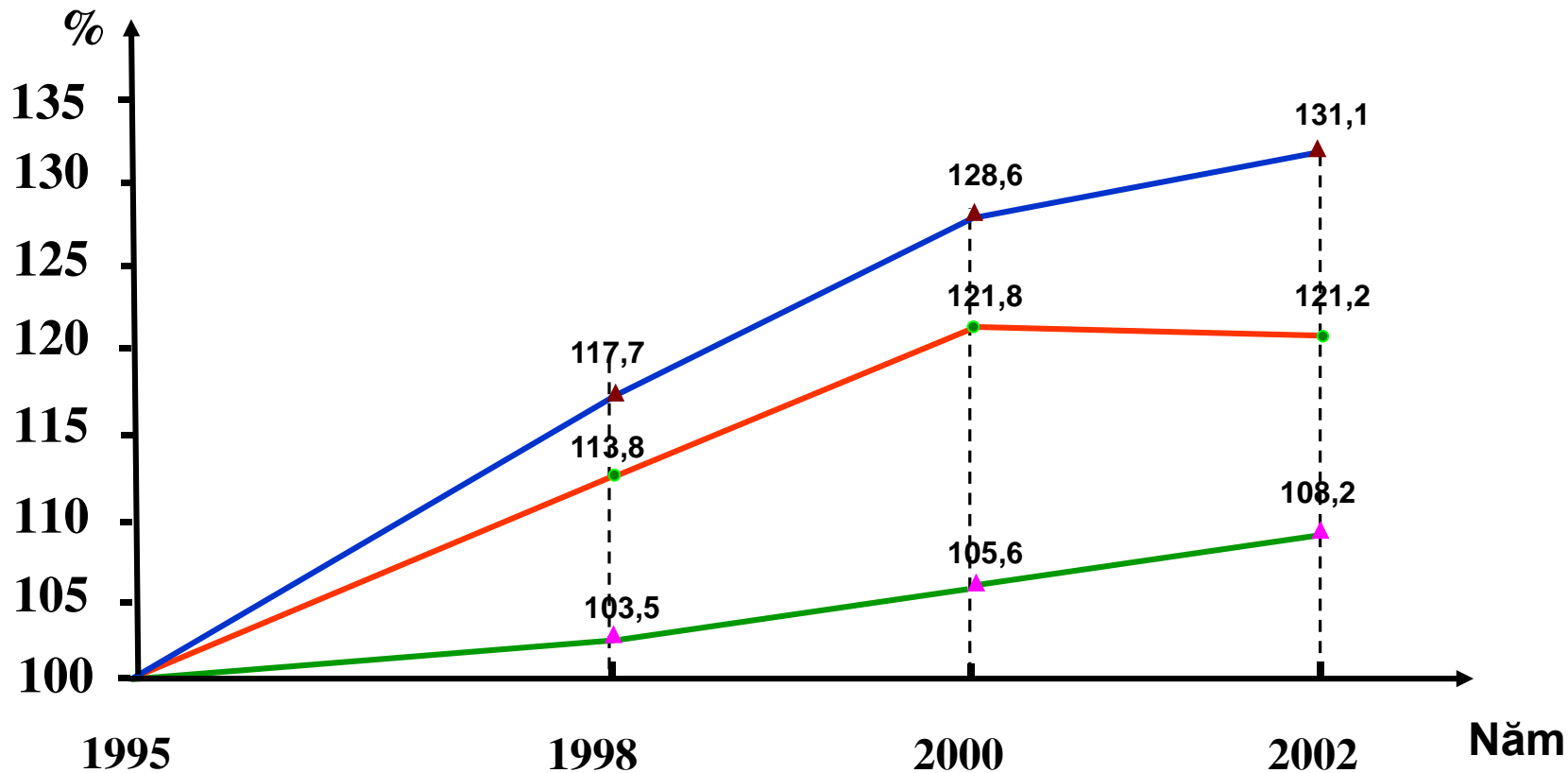
**\* Vẽ biểu đồ:**

(Đơn vị: %)

Tiêu chí	Năm	1995	1998	2000	2002
Dân số		100	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực		100	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người		100	113,8	121,8	121,2



**\* Vẽ biểu đồ:**



—▲— Sản lượng lương thực    —▲— Tăng dân số    —●— Bình quân lương thực theo đầu người

**Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng qua các năm 1995 – 2002.**



# 2-THỰC HÀNH: KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ



## **Bài tập 2: Căn cứ vào bảng số liệu sau:**

Bảng 27.1. Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2016 (nghìn tấn)

	<b>Bắc Trung Bộ</b>	<b>Duyên hải Nam Trung Bộ</b>
<b>Nuôi trồng</b>	<b>144,9</b>	<b>80,5</b>
<b>Khai thác</b>	<b>339,0</b>	<b>936,7</b>

*Hãy tính tỉ trọng (%) về sản lượng thủy sản của từng vùng và toàn Duyên hải miền Trung và điền vào bảng theo mẫu?*

	<b>Toàn vùng Duyên hải miền Trung</b>		<b>Bắc Trung Bộ (%)</b>	<b>Duyên hải Nam Trung Bộ (%)</b>
	<b>Nghìn tấn</b>	<b>%</b>		
<b>Nuôi trồng</b>	<b>225,4</b>	<b>100</b>	<b>64,3%</b>	<b>35,7%</b>
<b>Khai thác</b>	<b>1017,2</b>	<b>100</b>	<b>33,3%</b>	<b>66,7%</b>

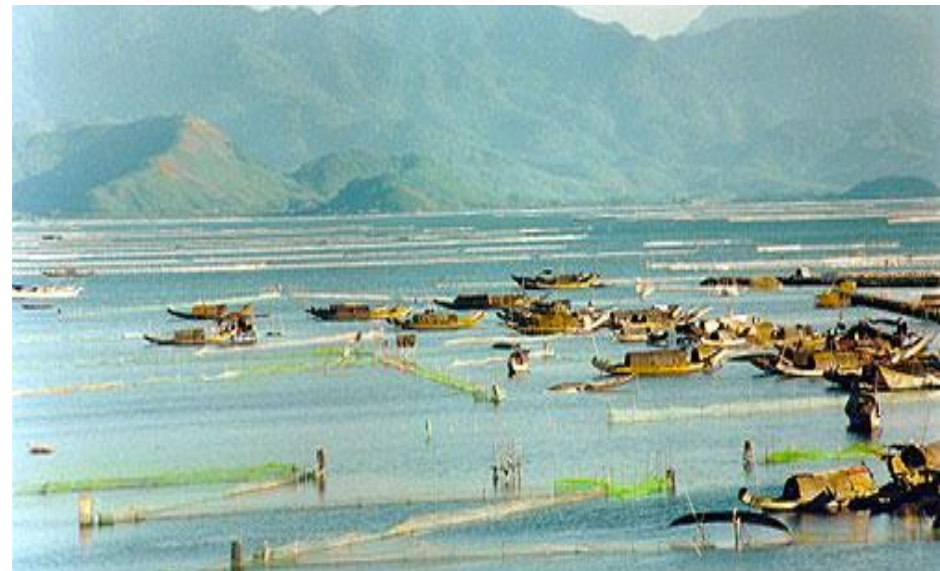
*- So sánh sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác của hai vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ*

*- Vì sao lại có sự chênh lệch về sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng?*

## ĐÀM CẦU HAI-THỪA THIÊN-HUẾ



→ Vì phía đông là dãy cồn cát, có phá Tam Giang và đầm Cầu Hai rộng lớn, thuận lợi cho việc nuôi tôm, nuôi cá nước lợ.



## PHÁ TAM GIANG ( THỪA THIÊN-HUẾ )



→ Vì có nhiều bãi tôm, bãi cá lớn hơn ( có 2 ngư trường lớn), hoạt động khai thác xa bờ được chú trọng đầu tư, CN chế biến thực phẩm phát triển mạnh....





120°

120°

110°

12°

**QUẦN ĐẢO HOÀNG SA**

VỊ ĐỘ: 15° 45' B - 17° 45' B  
KINH ĐỘ: 110° Đ - 113° Đ

10°

8°

**QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA**

VỊ ĐỘ: 6° 50' B - 12° 00' B  
KINH ĐỘ: 111° 30' Đ - 117° 20' Đ

6°

**PARACEL ISLANDS & SPRATLY ISLANDS BELONG TO VIETNAM**  
**TRƯỜNG SA, HOÀNG SA LÀ CỦA VIỆT NAM**

# HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- Hoàn thành bài thực hành.
- Xem trước bài: Vùng Tây Nguyên.



Thank  
you!